

Bản án số: 769/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

Về việc: “Tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 307/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 370/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ L; sinh năm 1968; Địa chỉ thường trú: 2 P, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 2 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Ánh N, sinh năm 1995. Địa chỉ: 2 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000193 quyền số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2024 tại Văn phòng C2). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc T; sinh năm 1956; Địa chỉ thường trú: 2 P, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: 1 Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1961; Địa chỉ thường trú: 2 P, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Võ Thị Mỹ L1**, sinh năm 1962; Địa chỉ thường trú: **3 N, Phường F, quận T, T2** phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông **T1** và bà **L1**: Bà **Dương Ánh N**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **2 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001764 quyển số 05/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2024 tại **Văn phòng C2**). Có mặt.

3. Bà **Võ Thị Mỹ L2**, sinh năm 1969; Địa chỉ thường trú: **A N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

4. Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **3 đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Đại diện theo ủy quyền của bà **X**: Bà **Dương Ánh N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **2 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001817 quyển số 06/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2024 tại **Văn phòng C2**). Có mặt.

5. Ông **Võ Văn Mạnh C**, sinh năm 1992; Thường trú: **558 N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

6. Ông **Võ Văn Thiên Đ**, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: **E N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Đại diện theo ủy quyền của ông **C** và ông **Đ**: Bà **Dương Ánh N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **2 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001816 quyển số 06/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2024 tại **Văn phòng C2**). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền Nguyễn đơn bà **Dương Ánh N** trình bày:*

Bà **Võ Thị Mỹ L** có mẹ là bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (sinh ngày 15/10/1937, chết ngày 07/8/2017) và cha là ông **Võ Văn S** (sinh năm 1935, chết ngày 04/8/1069). Cha của bà **M** là ông **Nguyễn Văn T3** (sinh năm 1912, chết năm 1957) và mẹ của bà **M** là bà **Nguyễn Thị C1** (không rõ năm sinh, chết trước bà **M** đã lâu và không có giấy chứng tử có kèm hình ảnh bia mộ).

Bà **M** có tổng cộng 07 người con gồm:

1. Ông **Võ Ngọc T**, sinh năm 1956.
2. Ông **Võ Văn S1**, sinh ngày 09/8/1965, chết ngày 09/11/2009. Ông **S1** có 02 người con là **Võ Văn Mạnh C**, sinh ngày 06/5/1992 và **Võ Văn Thiên Đ1**, sinh ngày 10/9/1995.
3. Ông **Võ Văn T1**, sinh ngày 10/3/1961.
4. Bà **Võ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 22/6/1962.
5. Bà **Võ Thị Mỹ L**, sinh ngày 09/3/1968.

6. Bà **Võ Thị Mỹ L2**, sinh ngày 21/6/1969.

7. Ông **Võ Quyết T4**, sinh ngày 16/6/1977, chết ngày 12/5/2023. Ông **T4** có vợ là bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1983. Ông **T4** không có con ruột và không có con nuôi.

Ngoài bảy người con nêu trên, bà **M** không có con riêng và con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc di sản của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** để lại là 109,4m² đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12 (BĐ ĐC-2005), Phường F, quận T, Thành phố **Hồ Chí Minh** (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố cung cấp ngày 10/02/2017) do hộ gia đình bà **M** tận dụng phần diện tích đất trống tại khu công trình công cộng tại **Phường F, quận T** (trước đây do chính quyền Pháp thuộc sử dụng làm bãi anten cho đài phát tin) để canh tác trồng rau, bà **M** đã kê khai diện tích nói trên vào năm 1991. Đến năm 2017, bà **M** chết. năm 2019, con của bà **M** là bà **Võ Thị Mỹ L** liên hệ Ủy ban nhân dân Phường F, quận T kê khai xác nhận đất do bà **M** canh tác theo tờ kê khai hiện trạng đất và hoa màu ngày 21/01/2019.

Căn cứ văn bản số 4641/UBND-ĐT ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ để thực hiện xây dựng cụm trường học công lập theo tiêu chuẩn quốc gia tại Khu đất công trình công cộng Phường F, quận T và ý kiến thẩm định của Phòng T5 tại Tờ trình số 159/TTr-TNMT ngày 04/12/2023, Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023, hỗ trợ đối với phần diện tích đất canh tác tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12 (BĐ ĐC-2005), Phường F, quận T cho ông (bà) **Võ Ngọc T – V – Võ Thị Mỹ L1 – Võ Thị Mỹ L – Võ Thị Mỹ L2 – Võ Văn S1** (chết, thừa kế thế vị là ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ**) là đại diện của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** đã chết với tổng số tiền được hỗ trợ là: 1.230.750.000 đồng.

Do bà **Võ Thị Mỹ L** đã tạm nhận số tiền 64.318.084 đồng theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận T; số tiền còn tiếp tục được nhận là 1.166.341.916 đồng hiện đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước. Bà **M** chết không để lại di chúc.

Do ông **Võ Ngọc T** không đồng ý kê khai di sản thừa kế của bà **M** và tự thỏa thuận phân chia giữa các anh chị em với nhau theo quy định của pháp luật để tất cả có thể nhận được phần tiền hỗ trợ từ việc thu hồi quyền sử dụng đất của bà **M**.

Bà **L** và những hàng thừa kế khác đã nhiều lần thể hiện mong muốn đàm phán với ông **Võ Ngọc T** với mong muốn ông **T** hợp tác để hoàn tất thủ tục kê khai di sản thừa kế của mẹ là bà **Nguyễn Thị Tuyết M**. Nhưng ông **T** không hợp tác. Do đó, bà **L** buộc phải khởi kiện ông **T** tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Tuyết M (mẹ ruột bà Võ Thị Mỹ L) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M theo quy định pháp luật là số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L yêu chia làm bảy kỹ phần và ước tính số tiền được hưởng là 175.821.428 đồng. Bà L đã nhận được số tiền tạm ứng 64.318.084 đồng từ Hội đồng hỗ trợ của dự án theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, số tiền thừa kế còn lại bà yêu cầu đương hưởng là 111.503.344 đồng.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Mỹ L1, bà Võ Thị Mỹ L2, bà Hồ Thị X, ông Võ Văn Mạnh C và ông Võ Văn Thiên Đ có bản tự khai thông nhất với nội dung trình bày của bà Võ Thị Mỹ L về hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Tuyết M và di sản thừa kế của bà M để lại, do ông T không hợp tác khai nhận di sản thừa kế tại Ủy ban phường F, quận T nên các đồng thừa kế không thể nhận tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể mỗi suất thừa kế là 175.821.428 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự để bị đơn ông Võ Ngọc T đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vào lúc 14 giờ ngày 21/6/2024 nhưng ông T vắng mặt không lý do. Ngày 29/7/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn cũng vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Dương Ánh N trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, do Bị đơn không có thiện chí chia để nhận di sản và không đến Tòa làm việc, không có thiện chí hòa giải về tranh chấp nên đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, và đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định xét xử số 718/2024/QĐXXST-DS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2024 nhưng Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Để tạo điều kiện cho Bị đơn đến Tòa án trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa;

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L là bà Dương Ánh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của mẹ bà là bà Nguyễn Thị Tuyết M để lại là 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo

Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế. Bà L đã nhận số tiền tạm ứng 64.318.084 đồng từ Hội đồng hỗ trợ của dự án theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bà yêu cầu được hưởng số tiền thừa kế còn lại là 111.503.344 đồng.

Bị đơn ông Võ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện theo ủy quyền của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1, bà Võ Thị Mỹ L1, bà Hồ Thị X, ông Võ Văn Thiên Đ và ông Võ Văn Mạnh C là bà Dương Ánh N trình bày: Thông nhất với yêu cầu của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án tiến hành phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Tuyết M là số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền được hỗ trợ theo quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật, cụ thể mỗi đồng thừa kế được hưởng một kỷ phần thừa kế là 175.821.428 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ L2 trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L, đề nghị Tòa án chia di sản mẹ bà để lại làm bảy kỷ phần từ số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật, cụ thể bà yêu cầu được hưởng một kỷ phần thừa kế là 175.821.428 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Tuyết M (mẹ ruột bà Võ Thị Mỹ L) cho những người thuộc hàng thừa kế của bà M theo quy định pháp luật là số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 175.821.428 đồng là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:*

Theo nội dung đơn khởi kiện của bà **Võ Thị Mỹ L** khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (mẹ ruột bà **Võ Thị Mỹ L**) là số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của **Ủy ban nhân dân quận T**, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án **Ủy ban nhân dân quận T**, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là quan hệ tranh chấp thừa kế theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:*

Theo Kết quả xác minh của **Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** thì Bị đơn ông **Võ Ngọc T** có nơi cư trú tại địa chỉ: **I Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về người tham gia tố tụng:*

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 9 năm 2024, lần thứ hai ngày 27 tháng 9 năm 2024), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu của Nguyên đơn chia thừa kế đối với số tiền 1.230.750.000 đồng là tiền hỗ trợ theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của **Ủy ban nhân dân quận T**, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án **Ủy ban nhân dân quận T**, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (mẹ ruột bà **Võ Thị Mỹ L**) để lại.

[4.1] *Về hàng thừa kế:*

Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (sinh ngày 15/10/1937, chết ngày 07/8/2017) và cha là ông **Võ Văn S** (sinh năm 1935, chết ngày 04/8/1069). Cha của bà **M** là ông **Nguyễn Văn T3** (sinh năm 1912, chết năm 1957) và mẹ của bà **M** là bà **Nguyễn Thị C1** (không rõ năm sinh, chết trước bà **M** từ lâu và không có giấy chứng tử và có hình ảnh bia mộ). Bà **M** có tổng cộng 07 người con gồm:

1. Ông **Võ Ngọc T**, sinh năm 1956.
2. Ông **Võ Văn S1**, sinh ngày 09/8/1965, chết ngày 09/11/2009. Ông **S1** có 02 người con là **Võ Văn Mạnh C**, sinh ngày 06/5/1992 và **Võ Văn Thiện Đ1**, sinh ngày 10/9/1995.
3. Ông **Võ Văn T1**, sinh ngày 10/3/1961.
4. Bà **Võ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 22/6/1962.
5. Bà **Võ Thị Mỹ L**, sinh ngày 09/3/1968.

6. Bà **Võ Thị Mỹ L2**, sinh ngày 21/6/1969.

7. Ông **Võ Quyết T4**, sinh ngày 16/6/1977, chết ngày 12/5/2023. Ông **T4** có vợ là bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1983. Ông **T4** không có con ruột và không có con nuôi.

Tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế theo pháp luật: “Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”.

Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thừa kế thế vị: “Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống...”.

Ngoài bảy người con nêu trên, bà **M** không có con riêng và con nuôi nào khác. Các đương sự thống nhất về hàng thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** và không có tranh chấp về hàng thừa kế nên căn cứ Hội đồng xét xử ghi nhận, xác định hàng thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** gồm: ông **Võ Ngọc T**, ông **Võ Văn T1**, bà **Võ Thị Mỹ L2**, bà **Võ Thị Mỹ L**, bà **Hồ Thị X** (vợ ông **Võ Quyết T4**), ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ** (thừa kế thế vị của ông **Võ Văn S1**).

[4.2] Về di sản thừa kế:

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023, hỗ trợ đối với phần diện tích đất canh tác tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 12 (BĐ ĐC-2005), **Phường F, quận T** của Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh xác định di sản thừa kế bà **M** để lại là số tiền 1.230.750.000 đồng. Bà **M** chết không để lại di chúc.

Tại phiên tòa, các đồng thừa kế là bà **Võ Thị Mỹ L**, ông **Võ Văn T1**, bà **Võ Thị Mỹ L1**, bà **Võ Thị Mỹ L2**, bà **Hồ Thị X** (vợ ông **Võ Quyết T4** đã chết), ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ** (con ông **Võ Văn S1** đã chết) đều thống nhất chia đều số tiền 1.230.750.000 đồng cho các đồng thừa kế, không yêu cầu tính công sức hay chi phí gì của di sản thừa kế. Bị đơn ông **Võ Ngọc T** không đến Tòa án trình bày ý kiến.

Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân: “Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc pháp luật”.

Tại Công văn số 1741/UBND-NCPC ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân quận **T** xác định:

“...Hội đồng hỗ trợ của dự án đã duyệt chi tạm ứng cho bà **Võ Thị Mỹ L** số tiền 64.318.084 đồng theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền hỗ trợ tiếp tục được nhận: 1.230.750.000 đồng - 64.318.084 đồng = 1.166.431.916 đồng... Hiện nay, số tiền 1.166.431.916 đồng đang tạm giữ tại

Kho bạc nhà nước T6. Do tạm giữ tại kho bạc nên không có phát sinh lãi số dư tiền gửi.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu chia di sản thừa kế 1.230.750.000 đồng của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** từ tiền hỗ trợ theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M theo quy định pháp luật làm bảy kỳ phần thừa kế (tương đương số tiền 1.230.750.000 đồng/7 kỳ phần) có cơ sở nên chấp nhận, cụ thể mỗi kỳ phần thừa kế tương đương số tiền 175.821.428 đồng.

Nguyên đơn bà **Võ Thị Mỹ L** được nhận một kỳ phần thừa kế (tương đương số tiền 175.821.428 đồng) từ di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** sau khi trừ đi số tiền tạm ứng 64.318.084 đồng từ Hội đồng hỗ trợ của dự án theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đồng thừa kế ông **Võ Ngọc T**, ông **Võ Văn T1**, bà **Võ Thị Mỹ L1**, bà **Võ Thị Mỹ L2**, bà **Hồ Thị X** (vợ ông **Võ Quyết T4** đã chết) được nhận một kỳ phần thừa kế từ di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (tương đương số tiền 175.821.428 đồng).

Ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ** (con ông **Võ Văn S1** đã chết) được hưởng $\frac{1}{2}$ kỳ phần thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (tương đương số tiền 87.910.714 đồng).

[5] Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà **Võ Thị Mỹ L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 175.821.428 đồng được hưởng là 8.791.071 đồng.

- Ông **Võ Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 175.821.428 đồng được hưởng là 8.791.071 đồng

- Bà **Hồ Thị X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 175.821.428 đồng được hưởng là 8.791.071 đồng.

- Ông **Võ Văn Mạnh C** phải chịu án phí trên số tiền 87.910.714 đồng được hưởng là 8.791.071 đồng.

- Ông **Võ Văn Thiên Đ** phải chịu án phí trên số tiền 87.910.714 đồng được hưởng là 8.791.071 đồng.

Ông **Võ Văn T1** và bà **Võ Thị Mỹ L1** có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông **T1** và bà **L1** được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 610, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Võ Thị Mỹ L**.

- Xác định số tiền 1.230.750.000 đồng tiền hỗ trợ theo quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án hỗ trợ số 20/PA-HĐHT ngày 01/12/2023 của Hội đồng hỗ trợ dự án Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh hiện Ủy ban nhân dân quận **T** đang gửi tại Kho Bạc **N** là di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M**.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà **Nguyễn Thị Tuyết M**: Ông **Võ Ngọc T**, ông **Võ Văn T1**, bà **Võ Thị Mỹ L1**, bà **Võ Thị Mỹ L**, bà **Võ Thị Mỹ L2**, bà **Hồ Thị X** (vợ ông **Võ Quyết T4** đã chết), ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ** (con ông **Võ Văn S1** đã chết).

- Chia di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** cho hàng thừa kế thứ nhất và chia đều thành 07 (bảy) kỹ phần thừa kế, cụ thể như sau: Ông **Võ Ngọc T**, ông **Võ Văn T1**, bà **Võ Thị Mỹ L1**, bà **Võ Thị Mỹ L2**, bà **Hồ Thị X** mỗi người được hưởng một kỹ phần di sản thừa kế. Ông **Võ Văn Mạnh C** và ông **Võ Văn Thiên Đ** (là người thừa kế thế vị của ông **Võ Văn S1**) mỗi người được hưởng một phần hai của một kỹ phần di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M**.

- Bà **Võ Thị Mỹ L** được hưởng một kỹ phần thừa kế của bà **Nguyễn Thị Tuyết M** sau khi trừ số tiền tạm ứng 64.318.084 đồng bà **L** đã nhận từ Hội đồng hỗ trợ của dự án theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận **T**, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà **Võ Thị Mỹ L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.791.071 đồng, được căn trừ vào 4.395.536 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0001729 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà **L** còn phải

nộp thêm số tiền 4.395.535 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

Ông **Võ Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.791.071 (Tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm bảy mươi một) đồng.

Bà **Võ Thị Mỹ L2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.791.071 (Tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm bảy mươi một) đồng.

Bà **Hồ Thị X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.791.071 (Tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm bảy mươi một) đồng.

Ông **Võ Văn Mạnh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.395.536 (Bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng.

Ông **Võ Văn Thiên Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.395.536 (Bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng.

Ông **Võ Văn T1** và bà **Võ Thị Mỹ L1** được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Long

